

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa
trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết
của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất; số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 4044/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 283/TTr-STNMT ngày 16/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 20 (hai mươi) thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Bình, gồm:

- Danh mục 18 (mười tám) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh;

- Danh mục 02 (hai) thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện.

(có Phụ lục Danh mục kèm theo).

Nội dung chi tiết các thủ tục hành chính này thực hiện theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021, số 4044/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022, số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023, số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết, quy trình điện tử các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 2356/QĐ-UBND ngày 27/9/2021, số 868/QĐ-UBND ngày 10/5/2023, số 894/QĐ-UBND ngày 16/5/2023.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- VNPT Thái Bình;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, NCKS.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1303 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
2	1.011517	Đăng ký khai thác nước dưới đất	15 ngày		Không		Sở Tài nguyên và Môi trường
3	1.011518	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	10 ngày		Không		UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
4	1.001740	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	- Dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh: 40 ngày - Dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh: 67 ngày		Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả		UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết <i>(ngày làm việc)</i>	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí <i>(nếu có)</i>	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
5	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	21 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của UBND tỉnh	Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	18 ngày		Theo quy định của UBND tỉnh		Sở Tài nguyên và Môi trường
7	1.004223	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	21 ngày		Theo quy định của UBND tỉnh		UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
8	1.004211	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	18 ngày		Theo quy định của UBND tỉnh		UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
9	1.004179	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu	21 ngày		Theo quy định của UBND tỉnh	Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết <i>(ngày làm việc)</i>	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí <i>(nếu có)</i>	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm				nguyên và Môi trường.	
10	1.004167	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giờ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giờ; phát điện	18 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của UBND tỉnh	Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm					
11	1.000824	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất: 11 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của UBND tỉnh	Quyết định số 438/QĐBTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
			Cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển: 11 ngày		Không		
12	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	14 ngày		Theo quy định của UBND tỉnh	Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường
13	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	05 ngày		Theo quy định của UBND tỉnh	Quyết định số 4044/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022	Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết <i>(ngày làm việc)</i>	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí <i>(nếu có)</i>	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
						của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	
14	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	11 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Theo quy định của UBND tỉnh	Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường
15	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	35 ngày		Không	Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
16	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	12		Không		UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
17	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	23 (Trong thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước)		Không	Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường
18	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	13		Không		UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	10 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã	Không	Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	UBND cấp huyện, UBND cấp xã
2	1.001645	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	- Dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 30 ngày - Dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh: 40 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện	Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả		UBND cấp huyện, Phòng Tài nguyên Môi trường cấp huyện